

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN NGỮ VĂN 7

Tiết theo PPCT: 99,100 - Năm học 2023 - 2024
Thời gian: 90 phút - Ngày kiểm tra: 11/03/2024

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Đánh giá kết quả nhận thức của học sinh về những kiến thức:

- Đọc hiểu: Truyện ngụ ngôn, tục ngữ, thơ tự do.
- Kiến thức tiếng việt: dấu chấm lửng, các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm - nói tránh, phân tích được cấu tạo ngữ pháp của câu.
- Viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực ghi nhớ.
- Năng lực vận dụng tri thức ngữ văn để giải quyết vấn đề thực tiễn trong đời sống.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trung thực, tự giác, trách nhiệm.

II. MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ

1. Ma trận:

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TNK Q	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn, tục ngữ, thơ	3	0	5		0	2	0		60%
2	Viết	Phân tích đặc điểm nhân vật truyện ngụ ngôn; đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40%
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100%
Tỉ lệ (%)			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

2. Bản đặc tả

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn.	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được thể loại, ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. Thông hiểu: - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; phân tích được cấu tạo ngữ pháp của câu. Vận dụng: - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.	3TN	5TN	2TL	
2	Viết	Viết bài văn phân tích đặc	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng:				1TL*

		điểm nhân vật.	Vận dụng cao: Viết được bài phân tích các đặc điểm của nhân vật trong truyện ngụ ngôn. Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng.				
Tổng				3TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20%	40%	30%	10%
Tỉ lệ chung (%)				60%		40%	

—

—

ĐỀ 01

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

SÓI VÀ VOI

Ngày xưa ngày xưa, có một anh Sói lười. Nhà cửa của anh, anh chẳng bao giờ quét dọn, sửa sang. Nó bẩn thỉu, rách nát, chỉ chực sụp xuống.

Một hôm, bác Voi đi qua, chẳng may đụng nhẹ vào làm đổ mái nhà anh Sói.

- Xin lỗi anh bạn! - Bác Voi nói với Sói - Tôi sẽ sửa ngay cho anh.

Bác Voi vốn là người giỏi giang, cái gì cũng biết và không sợ công việc. Bác liền lấy búa, đinh, sửa ngay mái nhà cho Sói. Mái nhà trở nên chắc chắn hơn trước...

- Ô hô! - Anh Sói bụng bảo dạ - Rõ ràng là lão ta sợ mình! Thoạt đầu đã phải xin lỗi, sau đó còn sửa lại cả mái nhà. Mình phải bắt lão ta làm cho mình một cái nhà mới mới được! Lão sợ, ắt phải nghe theo!

- Này, đứng lại! - Sói quát bảo Voi - Lão làm cái thói gì thế? Lão tưởng có thể bỏ đi một cách dễ dàng thế chắc? Làm đổ nhà người ta, đóng qua loa được mấy cái đinh rồi định chuồn à? Biết điều thì đi làm cho ta một cái nhà mới! Bằng không ta sẽ cho một bài học, đừng hòng mong thấy lại bà con thân thích! Nhanh lên!

Nghe Sói nói những lời ấy, bác Voi không nói gì cả. Bác lẳng lặng quắp ngang bụng Sói ném xuống hồ nước bẩn. Rồi đi về nhà Sói.

- Này, nhà mới này! - Bác Voi nói rồi đi thẳng.

Tỉnh dậy, Sói ngạc nhiên tự hỏi:

- Mình thật không hiểu gì cả! Lúc đầu lão có vẻ sợ mình, đã xin lỗi tử tế, thế mà sau đó lại hành động thế này... Thật không sao hiểu nổi!

Nhìn thấy hết mọi chuyện, bác Quạ già trên cây nói vọng xuống:

- Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt.

(Truyện đọc “Sói và Voi” - NXB thông tin)

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản trên?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

C. Ngôi thứ hai

D. Không có ngôi kể

Câu 2. Ý nào nói đầy đủ nhất phương thức biểu đạt có trong văn bản trên?

A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

B. Tự sự, nghị luận, biểu cảm.

C. Tự sự, miêu tả, nghị luận.

D. Miêu tả, nghị luận, thuyết minh.

Câu 3. Văn bản đã dùng những tính từ nào để miêu tả ngôi nhà của Sói?

A. Bẩn thỉu, rách nát, chỉ chực sụp xuống.

B. Bẩn thỉu, rách nát.

C. Sạch sẽ, rách nát.

D. Bẩn thỉu, lụp xụp.

Câu 4: Đề tài của văn bản trên là gì?

A. Sói và Voi.

B. Các loài động vật.

C. Bài học nhận lỗi và sửa lỗi.

D. Chuyện sửa nhà cho Sói.

Câu 5. Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong câu: “Lúc đầu lão có vẻ sợ mình, đã xin lỗi tử tế, thế mà sau đó lại hành động thế này... Thật không sao hiểu nổi!” ?

A. Biểu đạt ý còn nhiều sự việc chưa liệt kê hết.

B. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.

C. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

D. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng hay ngắt quãng.

Câu 6. Khi làm đổ nhà của Sói, bác Voi có hành động như thế nào?

A. Không nói gì và lảng lạng bỏ đi.

B. Xin lỗi và bỏ đi.

C. Xin lỗi và sửa lại nhà cho Sói.

D. Không nói gì và lảng lạng sửa lại nhà cho sói.

Câu 7. Văn bản trên sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Ẩn dụ.

B. Hoán dụ.

C. So sánh.

D. Nhân hoá.

Câu 8. Vì sao đến cuối văn bản, Voi lại có hành động “Bác lảng lạng quắp ngang bụng Sói ném xuống hồ nước bẩn. Rồi đê bẹp dí nhà Sói” ?

A. Vì Sói huênh hoang, nghĩ Voi sợ mình nên quát nạt Voi.

B. Vì Voi không muốn sửa nhà cho Sói.

C. Vì Sói không biết nhận lỗi và sửa lỗi.

D. Vì Voi cậy mình khoẻ hơn, bắt nạt Sói.

Câu 9. a. Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn sau: “Bác liền lấy búa, đinh, sửa ngay mái nhà cho Sói.”

b. Hãy rút ra một bài học tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên?

Câu 10. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 đến 8 câu) sự cần thiết của việc nhận lỗi và sửa lỗi trong đời sống.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn mà em yêu thích.

----- Chúc các em làm bài tốt! -----

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I ĐỌC HIỂU 6,0	1	B	0,25
	2	A	0,25
	3	B	0,25
	4	C	0,25
	5	D	0,25
	6	C	0,25
	7	D	0,25
	8	A	0,25
	9	a. HS xác định được: Bác: CN Liên lấy búa, đinh sửa ngay mái nhà cho Sói: VN b. HS rút ra được một bài học tâm đắc nhất: - Chúng ta cần can đảm, dũng cảm nhận sai và sửa chữa mỗi khi có lỗi. Không dùng mưu mẹo để đạt được mục đích cá nhân ... - Hãy trân trọng những giá trị thực tại. Không đòi hỏi những điều vượt quá giới hạn cho phép.	1,0 1,0
	10	- Đảm bảo hình thức đoạn văn. - Nội dung: + Biết nhận lỗi làm cho mối quan hệ giữa con người với con người trở nên tốt đẹp hơn; dung hoà các mối quan hệ, tránh những mâu thuẫn không đáng có + Việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình. + Người biết nhận lỗi và sửa lỗi là người biết nhìn nhận thực tế, sẽ được người khác nhìn nhận và đánh giá cao....HS lấy dẫn chứng thực tế minh họa	0,5 0,5 0,5 0,5
II VIẾT 4,0		a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn yêu thích.	0,25
		c. Phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn mà em yêu thích.	

	Học sinh có thể chọn một nhân vật trong truyện ngụ ngôn mình yêu thích nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau	
	* Mở bài: - Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật truyện ngụ ngôn.	0,25
	* Thân bài: - Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ các đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết trong tác phẩm (hoàn cảnh, cử chỉ, hành động, ý nghĩ...) - Nêu nhận xét của em về nhân vật. * Kết bài: - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, rút ra bài học, liên hệ.	2,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Có những liên hệ hợp lí; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.	0,25

Ban giám hiệu

Tổ trưởng

Nhóm trưởng

GV ra đề



Nguyễn T. Bích Ngân

Đào Thị Khanh

Nguyễn T.Tĩnh

Đào Lệ Thanh

ĐỀ 02

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc câu chuyện sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít. Bỗng chú bắt gặp bạn kiến đi ngang qua, bạn ấy đang còng lưng cõng một hạt ngô để tha về tổ. Châu chấu cất giọng rủ rê: “Bạn kiến ơi, thay vì làm việc cực nhọc, chi bằng bạn hãy lại đây trò chuyện và đi chơi thoả thích cùng tớ đi!”. Kiến trả lời: “Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới. Bạn cũng nên làm như vậy đi bạn châu chấu ạ”. “Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chỉ khéo lo xa”. Châu chấu mỉm cười. Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh, nó tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cẩn thận.

Thế rồi mùa đông lạnh lẽo cũng tới, thức ăn trở nên khan hiếm, châu chấu xanh vì mãi chơi không chuẩn bị lương thực nên giờ sắp kiệt sức vì đói và rét. Còn bạn kiến của chúng ta thì có một mùa đông no đủ với một tổ đầy những ngô, lúa mì mà bạn ấy đã chăm chỉ tha về suốt cả mùa hè.

(Truyện đọc “Kiến và Châu chấu” - NXB thông tin)

Câu 1. Truyện đọc “Kiến và châu chấu” thuộc thể loại nào?

- A. Truyện ngụ ngôn
B. Truyện đồng thoại.
C. Truyện thuyết.
D. Thần thoại.

Câu 2. Vào những ngày hè, chú châu chấu đã làm gì?

- A. Siêng năng làm bài tập về nhà cô giáo phát.
B. Nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng ca hát ríu ra ríu rít.
C. Càn cù thu thập đồ ăn dự trữ cho mùa đông.
D. Giúp châu chấu mẹ dọn dẹp nhà cửa.

Câu 3. Châu chấu đã rủ kiến làm gì cùng mình?

- A. Cùng nhau thu hoạch rau củ trên cánh đồng.
B. Trò chuyện và đi chơi thoả thích.
C. Cùng nhau về nhà châu chấu chơi.
D. Cùng nhau chuẩn bị lương thực cho mùa đông.

Câu 4. *Trạng ngữ trong câu: “Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát riu riu rít.” được dùng để làm gì ?*

- A. Chỉ nguyên nhân.
- B. Chỉ mục đích.
- C. Chỉ thời gian.
- D. Chỉ phương tiện.

Câu 5. *Vì sao kiến không đi chơi cùng châu chấu?*

- A. Kiến không thích châu chấu.
- B. Kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông.
- C. Kiến không thích đi chơi.
- D. Kiến không muốn lãng phí thời gian.

Câu 6. *Theo em, châu chấu trong văn bản trên là hình ảnh đại diện cho kiểu người nào trong cuộc sống?*

- A. Những người vô lo, lười biếng.
- B. Những người chăm chỉ.
- C. Những người biết lo xa.
- D. Những người chỉ biết hưởng thụ.

Câu 7. *Vì sao kiến lại có một mùa đông no đủ?*

- A. Kiến còn dư thừa nhiều lương thực.
- B. Kiến chăm chỉ, biết lo xa.
- C. Kiến được bố mẹ cho nhiều lương thực.
- D. Được mùa ngô và lúa mì.

Câu 8. *Từ “kiệt sức” có nghĩa là gì?*

- A. Yếu ớt.
- B. Không có sức khỏe.
- C. Yếu đuối.
- D. Không còn sức để làm.

Câu 9. a. *Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn sau: “Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh, nó tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cần mẫn.”*

b. Nếu là châu chấu trong câu chuyện, em sẽ làm gì trước lời khuyên của kiến?

Câu 10. *Hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 đến 8 câu) sự cần thiết của sự cần cù, chăm chỉ trong cuộc sống của mỗi người.*

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn mà em yêu thích.

----- Chúc các em làm bài tốt! -----

Đề 02

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I ĐỌC HIỂU 6,0	1	A	0,25
	2	B	0,25
	3	B	0,25
	4	C	0,25
	5	B	0,25
	6	A	0,25
	7	B	0,25
	8	D	0,25
	9	a. HS xác định được: CN1: Kiến VN1: <i>Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh,</i> CN2: nó VN2: tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cần mẫn b. HS nêu được : - Em sẽ nghe theo lời kiến, cùng kiến đi kiếm thức ăn chuẩn bị cho những ngày đông giá rét. - Em cần chăm chỉ, cần mẫn, chủ động làm việc nếu không hậu quả khó lường.	1,0 1,0
	10	- Đảm bảo hình thức đoạn văn. - Nội dung: + Cần cù, chăm chỉ, chủ động, tự giác làm việc giúp ta tự tin hơn trong cuộc sống. + Cần cù chăm chỉ giúp ta được mọi người yêu thương quý mến, được mọi người tôn trọng. + Người biết làm việc tạo ra những sản phẩm do công sức của mình sẽ biết giá trị những sản vật góp phần làm giàu cho gia đình và xã hội. HS lấy dẫn chứng thực tế minh họa	0,5 0,5 0,5 0,5
II VIẾT 4,0		a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn yêu thích.	0,25
		c. Phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn mà em yêu thích.	

	Học sinh có thể chọn một nhân vật trong truyện ngụ ngôn mình yêu thích nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau	
	* Mở bài: - Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật truyện ngụ ngôn.	0,25
	* Thân bài: - Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ các đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết trong tác phẩm (hoàn cảnh, cử chỉ, hành động, ý nghĩ...) - Nêu nhận xét của em về nhân vật.	2,5
	* Kết bài: - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, rút ra bài học, liên hệ	0,25
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Có những liên hệ hợp lí; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.	0,25



Ban giám hiệu

Tổ trưởng

Nhóm trưởng

GV ra đề

Nguyễn T. Bích Ngân

Đào Thị Khanh

Nguyễn T.Tĩnh

Đào Lệ Thanh